SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**545**			**545**
1	Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*	*528* *96.88%*			*528* *96.88%*
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*	17 3.12%			17 3.12%
3	Trung bình *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%			0 0%
4	Yếu *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%			0 0%
II	Số học sinh chia theo rèn luyện	1069	542	527	
1	Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*	939 87.84%	475 87.64%	464 88.05%	
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*	121 11.32%	65 11.99%	56 10.63%	
3	Đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*	6 0.56%	2 0.37%	4 0.76%	
4	Chưa đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*	3 0.28%	0 0%	3 0.57%	
III	**Số học sinh chia theo học lực**	**545**			**545**
1	Giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)*	*376* *68.99%*			*376* *68.99%*
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*	168 30.83%			168 30.83%
3	Trung bình *(tỷ lệ so với tổng số)*	1 0.18%			1 0.18%
4	Yếu *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%			0 0%
5	Kém *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%			0 0%
IV	**Số học sinh chia theo học tập**	1069	542	527	

	Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*	310 29.00%	118 21.77%	192 36.43%	
	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*	650 60.8%	350 64.58%	300 56.93%	
	Đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*	106 9.92%	74 13.65%	32 6.07%	
	Chưa đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*	3 0.28%	0 0%	3 0.57%	
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1614**	**542**	**527**	**545**
1	Lên lớp *(tỷ lệ so với tổng số)*	1611 99.81%	542 100%	524 99.43%	545 100%
	Học sinh xuất sắc theo TT 22	*2* *0.19%*	0 0%	2 0.38%	0 0%
a	Học sinh giỏi theo TT 22 *(tỷ lệ so với tổng số)*	*306* *28.62%*	117 21.59%	189 35.86	0 0%
	Học sinh giỏi theo TT 58 *(tỷ lệ so với tổng số)*	375 68.81%	0 0%	0 0%	375 68.81%
b	Học sinh tiên tiến theo TT 58 *(tỷ lệ so với tổng số)*	169 31.01%	0 0%	0 0%	169 31.01%
2	Kiểm tra lại *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	3 0.19%	0 0%	3 0.57%	0 0%
STT	**Nội dung**				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến: 11 (0.68%) Đi: 1 (0.19%)	Đến: 4 (0.25%) Đi: 0 (0%)	Đến: 6 (0.37%) Đi: 1 (0.19%)	Đến: 1 (0.19%) Đi: 0 (0%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.19%	0 0%	3 0.57%	0 0%
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	Cấp thành phố	2	0	0	2
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	545	0	0	545
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	544	0	0	544

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		6		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**		x
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CAO BÁ QUÁT-QUỐC OAI

Nguyễn Danh Chiến